BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CNTT TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm quyết định số 159 /QĐ-CĐCNTT, ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Công nghệ Thông tin TP.HCM)

Tên ngành, nghề: THIẾT KẾ VÀ QUẢN LÝ WEBSITE

Mã ngành, nghề: 5480215

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo:1,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo HSSV hệ trung cấp ngành Thiết kế và quản lý Website, có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm với tổ chức, và có sức khỏe tốt; nắm vững các kiến thức cơ bản về công nghệ và kỹ thuật điện tử và truyền thông; Khả năng tự học tập, tự nghiên cứu để thích ứng với nhiều điều kiện môi trường làm việc khác nhau.

Đáp ứng được cho các doanh nghiệp về mạng máy tính, phân tích hệ thống thông tin, đồ họa, thiết kế và lập trình web.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội; Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước, nội quy cơ quan; Có lối sống lành mạnh và ý thức kỷ luật cao trong công việc.

PO2. Có khả năng tìm hiểu, và thực hiện những nhiệm vụ cơ bản thuộc lĩnh vực website; Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng như Word, Excel, Powerpoint để trình bày các báo cáo, các bảng biểu, các trình diễn

PO3. Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, và sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập và phát triển nghề nghiệp.

PO4. Có sức khỏe, đạo đức tốt và trách nhiệm đối với nghề nghiệp, cộng đồng; Hợp tác, thân thiện giúp đỡ đồng nghiệp.

PO5. Tự cài đặt, lắp ráp, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa những hư hỏng thông thường.

PO6. Lập các chương trình ứng dụng phục vụ quản lý.

PO7. Thiết kế và lập trình web cho các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.

PO8. Có khả năng liên thông cao đẳng: Trên cơ sở kiến thức được trang bị, người học từng bước hoàn thiện khả năng tự bồi dưỡng và tiếp tục học ở trình độ cao hơn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Kỹ thuật viên thiết kế website, quản trị website cho các doanh nghiệp.
- Kỹ thuật viên ứng dụng công nghệ thông tin ở các trung tâm, cơ quan đơn vị nhà nước, và doanh nghiệp.
- Các kỹ thuật viên tin học, sửa chữa phần cứng – phần mềm, thiết lập và cài đặt các ứng dụng, bảo trì các loại máy tính.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 22 mô đun
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 59 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1200 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 424 giờ
- Thực hành, thí nghiệm: 619 giờ
- Thực tập: 270 giờ
- Bài tập, thảo luận, kiến tập: 85 giờ
- Kiểm tra: 57 giờ.

3. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	**Năng lực cơ bản (năng lực chung)**	
1	NLCB-01	Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp.
2	NLCB-02	Chấp hành các quy định về Luật An ninh mạng và sở hữu trí tuệ số.

3	NLCB-03	Có thói quen rèn luyện sức khỏe để đáp ứng đặc thù công việc ngồi máy tính lâu.
4	NLCB-04	Vận dụng kiến thức an ninh để bảo vệ bí mật thông tin khách hàng và dữ liệu web.
5	NLCB-05	Đọc hiểu các tài liệu kỹ thuật, mã lỗi và giao diện phần mềm bằng tiếng Anh.
6	NLCB-06	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm và mạng xã hội để cập nhật xu hướng web.
II	**Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)**	
7	NLCL-01	Tiếp nhận và làm rõ yêu cầu về giao diện, tính năng từ khách hàng.
8	NLCL-02	Tư vấn lựa chọn tên miền (Domain) và dịch vụ lưu trữ (Hosting) phù hợp.
9	NLCL-03	Lập kế hoạch nội dung và cấu trúc sơ đồ trang (Sitemap) cho website.
10	NLCL-04	Quản lý thông tin tài khoản quản trị và hồ sơ kỹ thuật của trang web.
11	NLCL-05	Áp dụng các quy tắc về bản quyền hình ảnh, phông chữ và mã nguồn mở.
12	NLCL-06	Hiểu rõ quy trình hoạt động từ trình duyệt đến máy chủ web.
13	NLCL-07	Khả năng kiểm tra và phát hiện các lỗi hiển thị phổ biến trên website.
III	**Năng lực nâng cao (Kỹ thuật thực hành)**	
14	NLNC-01	Sử dụng Photoshop/Figma để cắt ghép, tối ưu dung lượng ảnh cho web.
15	NLNC-02	Thiết kế Banner, Slider và các yếu tố đồ họa trực quan cho trang chủ.
16	NLNC-03	Phác thảo bố cục (Wireframe) giao diện web đơn giản.
17	NLNC-04	Xây dựng cấu trúc trang web bằng ngôn ngữ HTML5.
18	NLNC-05	Trang trí và định dạng giao diện bằng ngôn ngữ CSS3.
19	NLNC-06	Sử dụng các Framework CSS (như Bootstrap) để tạo giao diện nhanh.
20	NLNC-07	Thiết kế giao diện đáp ứng (Responsive) hiển thị tốt trên máy tính và điện thoại.
21	NLNC-08	Cài đặt và cấu hình website trên nền tảng WordPress (CMS phổ biến nhất).
22	NLNC-09	Tùy chỉnh giao diện (Theme) và cài đặt các tính năng mở rộng (Plugin).
23	NLNC-10	Tạo và quản lý danh mục sản phẩm, bài viết trên các trang tin tức/bán hàng.
24	NLNC-11	Xây dựng trang đích (Landing Page) cho các chiến dịch quảng cáo.
25	NLNC-12	Thiết lập và quản lý các biểu mẫu liên hệ (Contact Form) và nhận tin.
26	NLNC-13	Kết nối website với các mạng xã hội (Facebook, Zalo, YouTube).
27	NLNC-14	Quản trị cơ sở dữ liệu MySQL ở mức độ cơ bản (xuất/nhập dữ liệu).
28	NLNC-15	Sử dụng các phần mềm truyền tải dữ liệu (FTP như FileZilla) để lên web.
29	NLNC-16	Quản lý bảng điều khiển Hosting (cPanel, DirectAdmin) để cấu hình Web.
30	NLNC-17	Cài đặt chứng chỉ bảo mật SSL (HTTPS) cho website.
31	NLNC-18	Thực hiện các kỹ thuật tối ưu hóa công cụ tìm kiếm (SEO On-page) cơ bản.
32	NLNC-19	Sử dụng Google Analytics và Search Console để theo dõi lượt truy cập.
33	NLNC-20	Kiểm tra tốc độ tải trang và tối ưu hóa hiệu suất website.
34	NLNC-21	Viết nội dung chuẩn SEO và biên tập hình ảnh phù hợp với chủ đề web.
35	NLNC-22	Thực hiện sao lưu (Backup) dữ liệu website định kỳ để phòng sự cố.
36	NLNC-23	Phục hồi dữ liệu web (Restore) từ các bản sao lưu khi có lỗi.
37	NLNC-24	Cập nhật phiên bản mới cho mã nguồn, giao diện và phần mở rộng.
38	NLNC-25	Xử lý các lỗi cơ bản về hiển thị, tràn chữ hoặc mất ảnh trên web.

4. Nội dung chương trình

STT	Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)					
				Tổng	Trong đó				
					Lý thuyết	TH/ TN	Thực tập	Bài tập/ thảo luận/ kiến tập	Kiểm tra
I. Các môn học chung/ Đại cương			**12**	**255**	**94**	**148**	**0**	**0**	**13**
1	MH802001	Giáo dục thể chất 1	1	30	4	24	0	0	2
2	MĐ801001	Tin học 1	2	45	15	29	0	0	1
3	MH802002	Giáo dục chính trị 1	2	30	15	13	0	0	2
4	MH802004	Pháp luật 1	1	15	9	5	0	0	1
5	MH810001	Tiếng anh 1	2	45	15	28	0	0	2
6	MH802003	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	2	45	21	21	0	0	3
7	MH810002	Tiếng anh 2	2	45	15	28	0	0	2
II. Các môn chung chuyên ngành			**47**	**1200**	**345**	**456**	**270**	**85**	**44**
II.1 Các môn chuyên ngành cơ sở/ chuyên môn			**36**	**765**	**315**	**414**	**0**	**0**	**36**
8	MH801006	Cấu trúc máy tính	3	60	30	27	0	0	3
9	MH502143	Kỹ năng mềm 1	2	45	15	28	0	0	2
10	MĐ801071	Cơ sở lập trình	4	90	30	56	0	0	4
11	MĐ801087	Đồ họa ứng dụng (Adobe photoshop)	3	60	30	27	0	0	3
12	MĐ801008	Thiết kế web 1	3	60	30	27	0	0	3
13	MĐ801012	Tin học ứng dụng	3	60	30	27	0	0	3
14	MĐ801085	Cơ sở dữ liệu	4	90	30	56	0	0	4

15	MĐ801028	Joomla	2	45	15	28	0	0	2
16	MĐ801030	Lập trình PHP 1	3	75	15	57	0	0	3
17	MĐ801106	Thiết kế web 2	3	60	30	27	0	0	3
18	MĐ801089	Hệ quản trị CSDL	3	60	30	27	0	0	3
19	MĐ801100	Quản trị website	3	60	30	27	0	0	3
II.2 Thực tập tốt nghiệp			**6**	**270**	**0**	**0**	**270**	**0**	**0**
20	MĐ801107	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	0	270	0	0
II. 3 Mô đun tốt nghiệp			**5**	**165**	**15**	**57**	**0**	**85**	**8**
21	MĐ801096	Nocode	3	75	15	57	0	0	3
22	MĐ801076	Chuyên đề	2	90	0	0	0	85	5
Tổng cộng			**59**	**1455**	**424**	**619**	**270**	**85**	**57**

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

Thời lượng, cấu trúc chương trình và các học phần đã được xây dựng trên đây là nội dung của chương trình đào tạo Trung cấp ngành Thiết kế và quản lý Website.

Chương trình gồm 2 phần:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 12 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 48 tín chỉ. Trong đó:
  - Kiến thức ngành: 37 tín chỉ
  - Thực tập tốt nghiệp và mô đun tốt nghiệp: 11 tín chỉ

Các học phần được thiết kế theo nguyên tắc từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó, từ cơ bản chuyển sang cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần được tiến hành theo đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

Đối với các học phần lý thuyết, nội dung bao gồm kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành, ngành, kiến thức chung của ngành, kiến thức chuyên sâu của ngành.

Đối với các học phần thực hành, thực tập, nội dung bao gồm thực hành học phần và thực hành ngành Thiết kế và quản lý Website theo định hướng rèn luyện kỹ năng từ thực hành cơ bản đến chuyên ngành.

Mỗi năm học được chia thành 3 học kỳ.

Trong mỗi học kỳ bố trí 15 tuần dành cho học tập trong đó:

- Học lý thuyết, thí nghiệm, thực hành, thực tập: 13 tuần
- Thi môn học / mô đun: 02 tuần

Một học kỳ bố trí giảng dạy không quá 12 học phần và không quá 21 tín chỉ. Không bố trí quá 30 giờ lý thuyết cho một tuần. Nếu vừa học lý thuyết và thực hành thì không bố trí quá 8 giờ /ngày và không quá 40 giờ / tuần.

- Thời gian thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp là 08-10 tuần.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia thực tập tại các công ty và doanh nghiệp trong lĩnh vực Công Nghệ Thông Tin.

Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

5.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học: Theo quy chế

5.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Theo quy chế.
- Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp trung cấp.

5.6. Các chú ý khác (nếu có)

6. SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: THIẾT KẾ VÀ QUẢN LÝ WEBSITE

Mã ngành, nghề: 5480215

HỌC KỲ 1	HỌC KỲ 2	HỌC KỲ 3	HỌC KỲ 4
3.Giáo dục chính trị 1 (2)	4.Pháp luật 1 (1)	18.Hệ quản trị CSDL (3)	20.Thực tập tốt nghiệp (6)
1.Giáo dục thể chất 1 (1)	6.Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (2)	7.Tiếng anh 2 (2)	
2.Tin học 1 (2)	9.Kỹ năng mềm 1 (2)	19.Quản trị website (3)	
5.Tiếng anh 1 (2)	13.Tin học ứng dụng (3)		
12.Thiết kế web 1 (3)	14.Cơ sở dữ liệu (4)	21.Nocode (3)	
10.Cơ sở lập trình (4)	15.Joomla (2)	22.Chuyên đề (2)	
11.Đồ họa ứng dụng (Adobe photoshop) (3)	16.Lập trình PHP 1 (3)		
8.Cấu trúc máy tính (3)	17.Thiết kế web 2 (3)		

7. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

7.1 Chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Thiết kế và quản trị Website, hệ trung cấp, phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra (ký hiệu **PLO – Program Learning Outcomes**) sau:

Chuẩn đầu ra (PLO)		Tương ứng với mục tiêu (PO)	Trình độ năng lực
PLO 1	Nhận thức, xác định được các kiến thức mới liên quan về khoa học, chính trị, pháp luật, khoa học xã hội phù hợp với chuyên môn được đào tạo.	PO1, PO2, PO3,	4.0
PLO 2	Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành để thiết kế,	PO5, PO6,	4.0

	phân tích và quản lý Website.	PO7, PO8	
PLO 3	Biết cách soạn thảo văn bản, tính toán công thức, trình bày thuyết trình, Có kiến thức cơ bản về phần cứng hệ thống máy tính.	PO2, PO3, PO5, PO7, PO8	3.0
PLO 4	Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính; Mô tả được nguyên lý vận hành của công nghệ web.	PO6, PO7, PO8	4.5
PLO 5	Đánh giá được giao diện phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp; Lựa chọn được các ứng dụng môi trường cần thiết cho máy chủ web.	PO5, PO6, PO7, PO8	3.0
PLO 6	Mô tả được yêu cầu của khách hàng về ứng dụng web; Quy trình sản xuất ứng dụng web.	PO1, PO2, PO6	4.0

7.2 Thang trình độ năng lực(*)

Trình độ năng lực (TĐNL)		**Mô tả**
0.0 ≤ TĐNL ≤ 1.0	Cơ bản	**Nhớ**: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định.
1.0 < TĐNL ≤ 2.0	Đạt yêu cầu	**Hiểu**: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận.
2.0 < TĐNL ≤ 3.0		**Áp dụng**: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo.
3.0 < TĐNL ≤ 4.0	Thành thạo	**Phân tích**: Sinh viên phân tích tài liệu/kiến thức thành các chi tiết/bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của

		chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp.
4.0 < TĐNL ≤ 5.0		**Đánh giá**: Sinh viên đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất.
5.0 < TĐNL ≤ 6.0	Xuất sắc	**Sáng tạo**: Sinh viên kiến tạo/sắp xếp/tổ chức/thiết kế/khái quát hóa các chi tiết/bộ phận theo cách khác/mới để tạo ra cấu trúc/mô hình/sản phẩm mới.

(*) Trình độ năng lực theo thang đo Bloom

8. Các môn học và mối quan hệ với chuẩn đầu ra

Mối quan hệ giữa các môn học trong chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra (ký hiệu **PLO - Program Learning Outcomes**) được thể hiện qua bảng sau:

STT	Mã môn học	Tên môn học	PLO – Program Learning Outcomes					
			1	2	3	4	5	6
1	MH802001	Giáo dục thể chất 1					X	
2	MĐ801001	Tin học 1	X	X				
3	MH802002	Giáo dục chính trị 1	X				X	
4	MH802004	Pháp luật 1	X				X	
5	MH810001	Tiếng anh 1			X			X
6	MH802003	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	X					X
7	MH810002	Tiếng anh 2			X			X
8	MH801006	Cấu trúc máy tính	X			X		
9	MH502143	Kỹ năng mềm 1		X				
10	MĐ801071	Cơ sở lập trình	X				X	X
11	MĐ801087	Đồ họa ứng dụng (Adobe photoshop)	X			X		

12	MĐ801008	Thiết kế web 1			X			X
13	MĐ801012	Tin học ứng dụng			X		X	
14	MĐ801085	Cơ sở dữ liệu		X			X	
15	MĐ801028	Joomla		X		X		X
16	MĐ801030	Lập trình PHP 1			X		X	
17	MĐ801106	Thiết kế web 2	X			X		
18	MĐ801089	Hệ Quản trị CSDL	X					
19	MĐ801100	Quản trị Website		X			X	
20	MĐ801107	Thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X
21	MĐ801096	Nocode			X			X
22	MĐ801076	Chuyên đề		X		X		